

Số: 83/2019/QĐST-HNGĐ

K, ngày 20 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số: 23/2019/TLST –VHNGĐ ngày 12/6/2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Hoàng Thị B**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Thái Bình

2. Anh **Lê Văn D**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: thôn Đ, xã B, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Chị Hoàng Thị B và anh Lê Văn D kết hôn vào ngày 10 tháng 10 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, việc kết hôn là tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về nhà bố mẹ đẻ anh D tại xã B sinh sống, cuộc sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị B và anh D bất đồng về kinh tế và nhiều vấn đề khác trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi, anh chị đã ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Nay chị B và anh D xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể chung sống cùng nhau, hai anh chị cùng làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận vợ chồng thuận tình ly hôn. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, ngày 12 tháng 6 năm 2019, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy chị B và anh D đều thực sự tự nguyện ly hôn và đã thống nhất thỏa thuận với nhau về giải quyết tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì vậy cần công

nhận thuận tình ly hôn cho chị B và anh D là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Chị Hoàng Thị B và anh Lê Văn D có 01 con chung tên là Lê Tuấn M sinh ngày 28/02/2015. Chị B và anh D thống nhất thỏa thuận: Chị Hoàng Thị B trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh D không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị B. Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị B và anh Lê Văn D không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Hoàng Thị B tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B và anh Lê Văn D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Hoàng Thị B trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Tuấn M sinh ngày 28/02/2015, anh D không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị B. Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị B tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu dân sự sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị B đã nộp theo biên lai số 0001341 ngày 12/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành tiền lệ phí. Chị B đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS h.K;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Đông Giang